

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2025/DS-ST

Ngày: 17-3-2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Ngọc Sơn

Ông Lê Thành Chì

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Nhựt – Thư ký viên Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2025 tại phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 436/2024/TLST - DS ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số 22/2025/QĐST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Số H, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Diếp Thị Diễm T, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn:

1. Ông Võ Văn S, sinh năm 1980 (vắng mặt)

2. Bà Huỳnh Thị Mỹ L, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Số A, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Diếp Thị Diễm T trình bày:*

Vào khoảng tháng 04 năm 2018 ông Võ Văn S cùng vợ là bà Huỳnh Thị Mỹ L có đến đại lý P (do ông Nguyễn Văn N làm chủ) để mua thuốc, thức ăn thủy sản về nuôi tôm phát triển kinh tế gia đình. Đến năm 2022 ông S, bà L không còn mua nữa nhưng ông bà vẫn còn nợ tiền ông N. Ông N có đến nhà ông S và bà L để yêu cầu trả nợ, nhưng ông bà đã không trả hết. Ngày 17 tháng 12 năm 2023 bà L có xác nhận và ký biên nhận nợ hiện còn nợ ông N (chủ đại lý thức ăn P) số tiền là 100.961.500 đồng (một trăm triệu chín trăm sáu mươi một nghìn năm trăm đồng) cho đến ngày hôm nay ông S và bà L vẫn không trả cho ông N. Vì số tiền nợ đã lâu và ông N nhiều lần yêu cầu ông S và bà L trả nhưng ông bà vẫn không trả làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông N.

Ông Nguyễn Văn N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Võ Văn S và bà Huỳnh Thị Mỹ L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông N (chủ đại lý thức ăn P) số tiền nợ là 100.961.500 đồng (một trăm triệu chín trăm sáu mươi một nghìn năm trăm đồng) trả một lần và không yêu cầu tính lãi.

** Bị đơn ông Võ Văn S, bà Huỳnh Thị Mỹ L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có bản khai đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng là vi phạm khoản 16 Điều 70, Điều 72 và Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự, Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N. Buộc ông Võ Văn S và bà Huỳnh Thị Mỹ L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông N số tiền nợ là 100.961.500 đồng. Ông N không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn N vụ án có quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, bị đơn ông Võ Văn S và bà Huỳnh Thị Mỹ L có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre có thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Bà Diệp Thị Diễm T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Võ Văn S và bà Huỳnh Thị Mỹ L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng có mặt không rõ lý do. Tòa án xử xét xử vắng mặt các đương là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét thấy khi khởi kiện nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án bản chính “Giấy xác nhận nợ” đề ngày 17/12/2023 có nội dung “*Họ tên người nợ Võ Văn S, họ tên vợ Huỳnh Thị Mỹ L nợ tiền thức ăn nuôi tôm của ông Nguyễn Văn N (Đại lý thức ăn P) số tiền nợ 100.961.500 đồng (một trăm triệu chín trăm sáu mươi một nghìn năm trăm đồng)*” (BL 37). Xét việc thỏa thuận mua bán thức ăn nuôi tôm giữa ông Nguyễn Văn N với ông Võ Văn S và bà Huỳnh Thị Mỹ L tuy không được lập thành văn bản, nhưng trong quá trình mua bán được hai bên ký giấy xác nhận nợ trên cơ sở tự nguyện đúng quy định của pháp luật nên được xem là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên, theo đó bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền hàng hóa cho bên bán theo thỏa thuận.

[3] Tại văn bản phúc đáp số 21/CAX ngày 10/11/2024 của Công an xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre (BL 35) thể hiện ông Võ Văn S và bà Huỳnh Thị Mỹ L có đăng ký thường trú tại địa phương. Ông Võ Văn S và bà Huỳnh Thị Mỹ L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần và tổng đạt các tài liệu chứng cứ nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản gửi Tòa án, không có yêu cầu phản tố, nên Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án được quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét thấy, ông Võ Văn S và bà Huỳnh Thị Mỹ L mua thức ăn nuôi tôm là để phục vụ kinh tế gia đình. Tại văn bản phúc đáp số 54/UBND-TPHT của Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre ngày 10/02/2025 thể hiện ông Võ Văn S và bà Huỳnh Thị Mỹ L có đăng ký kết hôn tại số 070/2003 ngày 16 tháng 9 năm 2003 và hiện tại ông S, bà L vẫn còn vợ chồng nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, khi vợ chồng tiến hành giao dịch nhằm phát triển kinh tế đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do ông Võ Văn S và bà Huỳnh Thị Mỹ L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên cần áp dụng khoản 2 Điều 91, 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27, 30, 37 Luật hôn nhân và gia đình buộc ông Võ Văn S và bà Huỳnh Thị Mỹ L có nghĩa vụ liên đới trả số tiền mua thức ăn nuôi tôm là 100.961.500 đồng (một trăm triệu chín trăm sáu mươi một nghìn năm trăm đồng) cho ông Nguyễn Văn N là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận nguyên đơn không yêu cầu lãi suất chậm trả.

[5] Các bên đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: Do khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N được chấp nhận nên ông Võ Văn S và bà Huỳnh Thị Mỹ L phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và Điều 91, 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 430, 432, 433, 434, 440, 357 và 468 Bộ luật Dân sự; Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N.

Buộc ông Võ Văn S và bà Huỳnh Thị Mỹ L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền 100.961.500 đồng (một trăm triệu chín trăm sáu mươi một nghìn năm trăm đồng).

Ông Nguyễn Văn N không yêu cầu lãi suất chậm trả nên không xem xét.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Võ Văn S và bà Huỳnh Thị Mỹ L phải có nghĩa vụ liên đới chịu 5.048.075 đồng (năm triệu không trăm bốn mươi tám ngàn không trăm bảy mươi lăm đồng)

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 2.524.000 đồng (hai triệu năm trăm hai mươi bốn ngàn đồng) cho ông Nguyễn Văn N (do Nguyễn Thị M nộp thay) theo biên lai thu số 0003577 ngày 09/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đặng Văn Phương